

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Sau khi xem xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Qua báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận đóng góp của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững, hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội. Xã hội hóa hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ổn định và giữ vững quốc phòng - an ninh, nhất là an ninh nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đảm bảo kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ. Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy đủ năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP) bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng.

(2) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 220 triệu đồng (giá hiện hành).

(3) Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3.868 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(4) Sản lượng lúa bình quân đạt 380.898 tấn/năm (trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm từ 82%).

(5) Diện tích màu và cây công nghiệp ngắn ngày 15.000 ha, sản lượng 240.000 tấn.

(6) Tổng đàn gia súc là 102.064 con (trong đó, đàn heo 80.000 con, đàn trâu, bò 22.064 con); đàn gia cầm 4.000.000 con; sản lượng thủy sản 16.000 tấn.

(7) Thành lập mới 05 hợp tác xã, lũy kế 22 hợp tác xã.

(8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 03 xã, nâng tổng số có 08/08 xã nông thôn mới; 03/08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

(9) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ở đô thị 90%, ở nông thôn 60%. Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở nông thôn 100%.

(10) Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 700 tỷ đồng (giá so sánh năm 2020).

(11) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 5.027,8 tỷ đồng.

(12) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 49 tỷ đồng.

b) Về xã hội

(13) Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ 20%, mẫu giáo 95%; cấp tiểu học đạt 99,5%; Trung học cơ sở đạt 98,5%; Trung học phổ thông đạt 75%.

(14) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 94,87% (37/39 trường).

(15) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%; đạt 8,10 bác sỹ/10.000 dân; đạt 27,02 giường bệnh/10.000 dân (tính Trạm y tế xã, thị trấn).

(16) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%.

(17) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 99% (trong đó: tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình 90%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc 99,4%).

(18) Giải quyết việc làm mới đến năm 2025 là 10.500 người (trong đó, lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài 100 người).

(19) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%.

(20) Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 3%/năm (trong đó: tỷ lệ hộ nghèo Khmer giảm từ 4 - 5%/năm).

c) Về môi trường

(21) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chỉ tiêu về môi trường là 100%.

(22) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 100%;

(23) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 75%.

(24) Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.

3. Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, cơ cấu lại mùa vụ, bố trí lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; ứng dụng các công nghệ mới.

- Quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ theo hướng tăng liên kết địa phương, theo 02 trục Quốc lộ, tuyến Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng (sau khi hình thành).

- Nâng cao vai trò, chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh tế tập thể. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động. Tăng cường công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư nhằm khuyến khích và thu hút các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn lực đầu tư tại chỗ.

- Thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu mới; tăng cường quản lý thu, khai thác nguồn thu. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách chặt chẽ; tiếp tục tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác phòng tránh thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển văn hóa, thể thao, truyền thanh, hoạt động du lịch. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong nhân dân và quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong bộ máy chính quyền. Giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính; tăng cường kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính gắn với kiểm tra công vụ; tăng cường công tác thanh tra công vụ. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; kiểm chế, kéo giảm số vụ tai nạn giao thông.

- Lãnh đạo chặt chẽ công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp. Thực hiện tốt công tác đối thoại, tiếp dân, hòa giải ở cơ sở. Thực hiện tốt

chính sách tôn giáo - dân tộc; giải quyết kịp thời các vấn đề nhạy cảm, không để phát sinh điểm nóng.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XI, kỳ họp thứ 17 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT.HĐND + UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TT. Huyện ủy + TT.UBND huyện;
- TV.UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- TT UB.MTTQ huyện;
- Thủ trưởng các Ban, phòng ngành huyện;
- TT HĐND + UBND các xã (TT);
- Lưu VT, VP.



Phan Thanh Phong